

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **21/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 31 tháng 5 năm 2022
“V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Luyến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Trự và bà Lưu Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Hà - Thư ký Tòa án.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh PT, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022, về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Diệu L**, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Tổ 5, phố Phú Cường, phường PC, thị xã PT, tỉnh PT.

2. Bị đơn: Anh **Phùng Quang T**, sinh năm 1987;

Nơi ĐKKHKT + nơi cư trú cuối cùng: Tổ 17B, khu 3, phường VC, thành phố VT, tỉnh PT.

(Chị L có mặt; Anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Trần Thị Diệu L trình bày nội dung như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Diệu L thừa nhận chị và anh Phùng Quang T đăng ký kết hôn ngày 04/4/2014, tại UBND phường VC, thành phố VT, tỉnh PT. Trước khi kết hôn hai bên được tìm hiểu tự nguyện, không bị ép buộc gì và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 3/2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T chơi bời, nợ nần không quan tâm đến gia đình. Sau đó chị và anh T sống ly thân và anh T đã bỏ nhà đi khỏi địa phương từ thời gian đó đến nay, không liên lạc gì với gia đình nữa và cũng không trở về địa phương. Gia đình hai bên không biết hiện nay anh T làm gì và ở đâu, còn sống hay đã chết. Mặc dù, đã được gia đình tìm kiếm nhiều lần nhưng không thấy, không có tin tức gì của anh T. Đến ngày 22/10/2021, chị L đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố

VT, tỉnh PT tuyên bố anh Phùng Quang T mất tích. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2022/QĐST-DS ngày 15/3/2022, “v/v: Yêu cầu tuyên bố một người mất tích”, đã quyết định: “*Tuyên bố anh Phùng Quang T, sinh năm 1987, địa chỉ: Tổ 17B, khu 3, phường VC, thành phố VT, tỉnh PT, mất tích*”. Kể từ đó đến nay anh T chưa trở về. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Phùng Quang Huy, sinh ngày 31/7/2012. Khi ly hôn chị L xin được quyền nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, công nợ và công sức: Chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn là anh Phùng Quang T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, nên không có bản tự khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình; Bị đơn có cư trú cuối cùng tại khu 3, phường VC, thành phố VT, tỉnh PT. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh PT.

Xét về sự vắng mặt của bị đơn: Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2022/QĐST-DS ngày 15/3/2022, “v/v: Yêu cầu tuyên bố một người mất tích” đã quyết định: “*Tuyên bố anh Phùng Quang T, sinh năm 1987, địa chỉ nơi cư trú cuối cùng tại: Tổ 17B, khu 3, phường VC, thành phố VT, tỉnh PT, mất tích*”. Cho nên anh T không thể có mặt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp pháp luật.

Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc không tiến hành hòa giải được: Nguyên đơn là chị Trần Thị Diệu L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; mặt khác, bị đơn là anh T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Nên vụ án không tiến hành hòa giải được là phù hợp với khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Diệu L và anh Phùng Quang T, đăng ký kết hôn tại UBND phường VC, thành phố VT, tỉnh PT ngày 04/4/2014, dựa trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, không ai bị ép buộc. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về tình cảm vợ chồng: Chị L trình bày quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi chửi nhau và luôn bất đồng quan điểm về

mọi lĩnh vực trong cuộc sống. Đến năm 2019 anh T bỏ nhà đi biệt tích từ đó cho đến nay, mặc dù chị L đã tìm kiếm anh T trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng đến nay vẫn không thông tin gì về anh T. Đến ngày 15/3/2022 anh T bị Tòa án nhân dân thành phố VT tuyên bố mất tích, theo quyết định số: 01/2022/QĐST-VDS. Nay chị L xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và chị không còn yêu thương anh T nữa, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Xét việc xin ly hôn của chị L thấy rằng: tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn*” và theo quy định tại khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự quy định: “*Trường hợp vợ hoặc chồng của người bị tuyên bố mất tích xin ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình*”. Mặt khác, kể từ khi anh T bị Tòa án tuyên bố mất tích cho đến nay không có tin tức gì về anh T; mặc dù, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi anh T đăng ký hộ khẩu thường trú theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do vậy, việc xin ly hôn của chị L đối với anh T là người đã bị Tòa án tuyên bố mất tích là hoàn toàn có căn cứ. Nên cần xử cho chị L được ly hôn anh T là phù hợp với khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung*: Chị L xác định giữa chị và anh T có 01 con chung là cháu Phùng Quang Huy, sinh ngày 31/7/2012. Khi ly hôn chị L xin được quyền nuôi con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét việc xin nhận nuôi con chung của chị L hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của con chung là cháu Huy muốn ở với mẹ; mặt khác, căn cứ vào điều kiện, tình hình thực tế hiện nay anh T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Do vậy, cần giao cho chị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Huy, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị L không yêu cầu là hoàn toàn phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. *Về tài sản chung, công nợ và công sức*: Chị Trần Thị Diệu L không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra giải quyết là phù hợp.

[5]. *Về án phí*: Chị Trần Thị Diệu L phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định là phù hợp pháp luật.

V× c, c lĩ trªn;

quyết định:

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 2 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 21, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Diệu L.

[1]. Xử cho chị Trần Thị Diệu L được ly hôn với anh Phùng Quang T.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Diệu L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Phùng Quang Huy, sinh ngày 31/7/2012; Chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung;

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3]. Về tài sản chung, công nợ và công sức: Chị Trần Thị Diệu L không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Trần Thị Diệu L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0009296 ngày 07/4/2022, tại Chi cục dân sự thành phố VT, tỉnh PT.

Chị L có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSNDTP, tỉnh PT;
- Chi cục THADS TP.VT;
- UBND P.VC, TP.VT;
- Các đương sự;
- Niêm yết;
- Lưu HS, AV.

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bình Luyện